

**THE GOVERNMENT**

-----

No. 99/2013/ND-CP

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

-----

*Hanoi, August 29, 2013*

**DECREE  
(NGHỊ ĐỊNH)**

**ON SANCTIONING OF ADMINISTRATIVE VIOLATIONS IN INDUSTRIAL  
PROPERTY  
(QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG  
NGHIỆP)**

*Pursuant to the Law on organization of Government dated December 25, 2001;  
(Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;)*

*Pursuant to the Law on handling of administrative violations dated June 20, 2012;  
(Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;)*

*Pursuant to the Law on intellectual property dated November 29, 2005; Law on amending  
and supplementing a number of articles of Law on intellectual property dated June 19, 2009  
(hereinafter collectively referred to as Law on intellectual property);  
(Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009 (sau đây gọi chung là Luật sở hữu trí  
tuệ);)*

*Pursuant to the Law on information technology dated June 29, 2006;  
(Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;)*

*Pursuant to the Law on competition dated December 03, 2004;  
(Căn cứ Luật cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;)*

*At the proposal of Minister of Science and Technology;  
(Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,)*

*The Government promulgates Decree on sanctioning of administrative violations in  
industrial property.  
(Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu  
công nghiệp.)*

**Chapter 1.  
GENERAL PROVISIONS  
(NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG)**

**Article 1. Scope of adjustment  
(Phạm vi điều chỉnh)**

This Decree specifies acts of administrative violation, sanctioning forms and levels, remedies; procedures for filing written requests for handling of violations; competence and procedures for settling written requests for handling of violations; sanctioning competence and enforcement of decisions on sanctioning administrative violations in industrial property.  
*(Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thủ tục nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm; thẩm quyền, thủ tục giải quyết đơn yêu cầu xử lý vi phạm; thẩm quyền xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.)*

## **Article 2. Provisions on the maximum fine level, sanctioning competence for individuals, organizations**

### **(Quy định về mức phạt tiền tối đa, thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân, tổ chức)**

1. The fine levels for acts defined in Chapter 2 of this Decree will be the fine levels applicable to individuals. The maximum fine level for individuals will be 250,000,000 VND. For the same act of administrative violation, the fine level for organization will be twice as the fine level for individual. The maximum fine level for organizations will be 500,000,000 VND.

*(Mức phạt tiền đối với các hành vi quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân. Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân là 250.000.000 đồng.*

*Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân. Mức phạt tiền tối đa đối với tổ chức là 500.000.000 đồng.)*

2. The competence of sanctioning administrative violations of persons defined in Articles from 16 thru 21 of this Decree is competence applicable to an administrative violation of individual. In case of fine, sanctioning competence for organizations will be twice as sanctioning competence for individuals.

*(Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại các Điều từ 16 đến 21 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.)*

## **Article 3. Sanctioning forms, remedies**

### **(Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả)**

1. For each act of administrative violation in industrial property, infringing organizations and individuals must suffer either of principal sanctioning forms being warning or fine.

*(Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.)*

2. Depend on nature and severity of violations, infringing organizations and individuals may also be applied one or more of the following additional sanctioning forms:

*(Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:)*

a) Confiscation of material evidence and means used in the commission of administrative violations, including goods bearing counterfeit marks or geographical indications; raw materials, materials and means used mainly for producing or trading in those goods;



*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh, hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý;*

b) Deprivation of the right to use industrial property representation practice certificates; assessor cards; or certificates of eligibility for assessment practice, for between 01 and 03 months from the effective date of the sanctioning decision;

*(Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; thẻ giám định viên; giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hành nghề giám định từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành;)*

c) Suspension of the production, trading or provision of infringing products or services, for between 01 and 03 months from the effective date of the sanctioning decision.

*(Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.)*

3. Apart from principal sanctioning forms, additional sanctioning forms, infringing organizations and individuals may also be forced to apply one or more of the following remedies:

*(Ngoài các hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị buộc áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:)*

a) Forcible removal of infringing elements on their goods or means of business and destruction of infringing elements; forcible alteration or return of domain names; forcible alteration of enterprise names, removal of infringing elements in enterprise names;

*(Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh và tiêu hủy yếu tố vi phạm; buộc thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền; buộc thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp;)*

b) Forcible use for noncommercial purposes of goods bearing counterfeit marks or geographical indications; raw materials, materials and means used mainly for producing or trading in these goods, after infringing elements on these goods are removed, provided such act does not affect the exercise of the industrial property rights by their holders;

*(Buộc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp;)*

c) Forcible bringing out of the Vietnamese territory of transit goods infringing upon industrial property rights or forcible re-export of goods bearing counterfeit marks or geographical indications, or imported means, raw materials and materials used mainly for producing or trading in these goods after infringing elements on these goods are removed;

*(Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với hàng hóa quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa;)*



d) Forcible destruction of goods bearing counterfeit marks or geographical indications, means, raw materials and materials used mainly for producing or trading in these goods, evidence and means involved in violations on which infringing elements cannot be removed; infringing goods which may cause harms to the health of humans, domestic animals, plants and the environment; stamps, labels, and articles bearing counterfeit marks or geographical indications; stamps, labels, packages and other articles bearing infringing elements; protection titles, certificates or other documents which are modified, erased or counterfeited;  
*(Buộc tiêu hủy hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; tang vật, phương tiện vi phạm nếu không loại bỏ được yếu tố vi phạm gắn trên tang vật, phương tiện vi phạm đó; hàng hóa vi phạm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường; tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo; tem, nhãn, bao bì, vật phẩm khác mang yếu tố vi phạm; văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận hoặc tài liệu khác bị sửa chữa, tẩy xóa hoặc giả mạo;)*

dd) Forcible modification or addition of indications on industrial property;  
*(Buộc sửa đổi, bổ sung chỉ dẫn về sở hữu công nghiệp;)*

e) Forcible public correction of errors, for acts of giving wrong indications on industrial property rights;  
*(Buộc cải chính công khai đối với các hành vi chỉ dẫn sai về quyền sở hữu công nghiệp;)*

g) Forcible confiscation of dispersed material evidence or means of violation;  
*(Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm bị tẩu tán;)*

h) Forcible remittance of illicit earnings from the commission of administrative violations or forcible remittance of an amount equal to value of material evidence or means of administrative violation which have been sold, dispersed or destroyed in contrary to provisions of law.  
*(Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán hoặc tiêu hủy trái quy định của pháp luật.)*

#### **Article 4. Valuation of infringing goods or services** **(Xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm)**

1. The valuation of goods or services infringing the industrial property rights for use as a basis for determining the fine bracket and sanctioning competence shall be applied basing on one of grounds according to the priority order specified in Clause 2 Article 60 of the Law on Handling of Administrative Violations as follows:

*(Việc xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt được áp dụng dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 60 của Luật xử lý vi phạm hành chính như sau:)*

a) The price listed or stated in the contract or purchase invoices or import declaration;  
*(Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu;)*

b) The price according to the notice of local financial agencies; in case of without price notice, the price shall be based on the market price in the localities at the time of happening administrative violations;

*(Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì giá theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính;)*

c) The cost price of infringing goods if they are goods not yet been brought out for sale.

*(Giá thành của hàng hóa vi phạm nếu là hàng hóa chưa xuất bán.)*

2. For material evidences being goods bearing counterfeit marks as prescribed in Clause 2 Article 213 of the Law on Handling of Administrative Violations, the valuation of such goods shall be conducted as valuation of goods infringing industrial property rights as prescribed in Clause 1 of this Article.

*(Đối với tang vật là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 213 của Luật sở hữu trí tuệ thì giá trị hàng hóa đó được xác định như giá trị hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều này.)*

3. In case the grounds mentioned in Clause 1 of this Article cannot be applied for valuating material evidences being infringing goods or services to serve as a basis for determining the fine bracket or sanctioning competence, the competent persons settling case may issue a decision to temporarily seizure the infringing material evidences and establish a Council of valuation as prescribed in Clause 3 Article 60 of the Law on Handling of Administrative Violations.

*(Trường hợp không thể áp dụng các căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều này để xác định giá trị tang vật là hàng hóa, dịch vụ vi phạm làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm và thành lập Hội đồng định giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 60 của Luật xử lý vi phạm hành chính.)*

## **Chapter 2.**

### **ACTS OF ADMINISTRATIVE VIOLATIONS, SANCTIONING FORMS AND REMEDIES**

#### **(HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ)**

#### **SECTION 1. VIOLATIONS OF PROVISIONS ON MANAGEMENT OF INDUSTRIAL PROPERTY ACTIVITIES**

#### **(VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP)**

**Article 5. Violations of provisions on procedures for establishment, exercise and protection of industrial property rights**

***(Vi phạm quy định về thủ tục xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp)***

1. A fine of between VND 3,000,000 and VND 5,000,000 for acts of modifying, erasing, falsifying content of protection titles or documents proving industrial property rights.

*(Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung văn bằng bảo hộ hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu công nghiệp.)*

2. A fine of between VND 3,000,000 and VND 5,000,000 for acts of providing false information and evidence in the process of carrying out any of the following procedures:  
*(Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, chứng cứ sai lệch trong quá trình thực hiện một trong các thủ tục sau đây:)*

a) Carrying out procedures for establishment, recognition, certification, amendment, maintenance, extension, request for termination or cancellation of the validity of industrial property rights protection titles;

*(Tiến hành các thủ tục xác lập, công nhận, chứng nhận, sửa đổi, duy trì, gia hạn, yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;)*

b) Requesting competent state agencies to issue decisions on compulsory licensing of inventions.

*(Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.)*

3. A fine of between VND 15,000,000 and VND 20,000,000 for acts of forging papers in the cases specified in Clause 2 of this Article.

*(Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo giấy tờ để thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.)*

4. Remedial measures:

Forcible destruction of counterfeit papers, documents for acts of violation specified in Clause 3 of this Article.

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:*

*Buộc tiêu hủy giấy tờ, tài liệu giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.)*

## **Article 6. Violations of provisions on indications on protection of industrial property rights**

### ***(Vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp)***

1. A warning or a fine of between VND 500,000 and 1,000,000 for any of the following acts:

*(Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Providing wrongful indications on objects or elements subject to industrial property rights protection, industrial property rights holders, and authors of inventions, industrial designs or layout designs;

*(Chỉ dẫn sai về đối tượng, yếu tố được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;)*

b) Providing wrongful indications on the legal status and scope of protection of industrial property rights;

*(Chỉ dẫn sai về tình trạng pháp lý, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;)*

c) Providing wrongful indications or no indication on goods produced under licensing contracts.

*(Chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.)*



2. Remedial measures:

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:)*

a) Forcible removal of infringing elements on goods or means of business, for violations specified in Clause 1 of this Article;

*(Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;)*

b) Forcible public correction of errors, for violations specified at Points a and b, Clause 1 of this Article;

*(Buộc cải chính công khai đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều này;)*

c) Forcible modification or addition of indications, for violations specified at Point c Clause 1 of this Article.

*(Buộc sửa đổi, bổ sung chỉ dẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.)*

**Article 7. Violations of provisions on industrial property representation**

***(Vi phạm quy định về đại diện sở hữu công nghiệp)***

1. A fine of between VND 2,000,000 and 5,000,000 for any of the following acts:

*(Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Failing to notify in writing a state agency competent to establish and protect industrial property rights of a change in their names, addresses or legal status of industrial property representation, or a change related to the parties authorizing and authorized to conduct industrial property representation;

*(Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp khi có thay đổi về tên, địa chỉ, tư cách pháp lý của đại diện sở hữu công nghiệp, thay đổi liên quan đến bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền đại diện sở hữu công nghiệp;)*

b) Failing to notify or untruthfully notify industrial property representation items, charges and fees at the request of a competent agency;

*(Không thông báo hoặc thông báo không trung thực các khoản, các mức phí và lệ phí dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;)*

c) Failing to perform procedures for deleting name in the National register of industrial property representation when ending operation at organizations of industrial property representation;

*(Không thực hiện thủ tục xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp khi chấm dứt hoạt động ở tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp;)*

d) Failing to perform again procedures for recording in the National register of industrial property representation when operate at other organization of industrial property representation.

*(Không làm lại thủ tục ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp khi hoạt động ở tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp khác.)*



2. A fine of between VND 5,000,000 and 10,000,000 for any of the following acts:  
*(Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Concurrently representing parties to a dispute over industrial property rights;  
*(Đồng thời là đại diện cho các bên tranh chấp với nhau về quyền sở hữu công nghiệp;)*

b) Withdrawing applications for protection titles, disclaiming the protection, withdrawing complaints or taking other acts in the establishment of industrial property rights without permission of the representation authorizing person;  
*(Rút đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ, tuyên bố từ bỏ bảo hộ, rút đơn khiếu nại hoặc thực hiện các hành vi khác trong xác lập quyền sở hữu công nghiệp mà không được phép của bên ủy quyền đại diện;)*

c) Failing to notify, provide contents of requests of a state agency competent to establish industrial property rights, settle industrial property disputes or handle industrial property violations to the representation authorizing person;  
*(Không thông báo, cung cấp nội dung yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp cho bên ủy quyền đại diện;)*

d) Failing to deliver protection titles, documents proving industrial property rights, certificates and other decisions to the representation authorizer in time limit prescribed by law without any plausible reason;  
*(Không giao văn bằng bảo hộ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu công nghiệp, giấy chứng nhận và các quyết định khác cho bên ủy quyền đại diện trong thời hạn do pháp luật quy định mà không có lý do chính đáng;)*

dd) Failing to implement or respond to requests of competent state agencies for establishment of industrial property rights or settlement of industrial property disputes or handling of industrial property violations without any plausible reason;  
*(Không thực hiện và không trả lời nội dung yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về xác lập, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp mà không có lý do chính đáng;)*

e) Modifying or falsifying contents of industrial property representation practice certificates;  
*(Sửa chữa, làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;)*

g) Deliberately advising or notifying wrongful information on provisions of the industrial property law or information on industrial property activities;  
*(Cố ý tư vấn, thông báo sai về các quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp, thông tin hoạt động sở hữu công nghiệp;)*

h) Deliberately obstructing the establishment, exercise and protection of industrial property rights, causing damage to parties with related rights and interests;  
*(Cố ý cản trở việc xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp gây thiệt hại cho người có quyền và lợi ích liên quan;)*

i) Abandoning the industrial property representation activities when not yet transferred legally the unfinished representation job to other industrial property representation organization.





*(Từ bỏ hoạt động dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp khi chưa tiến hành chuyển giao một cách hợp pháp công việc đại diện chưa hoàn tất cho tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp khác.)*

3. A fine of between VND 10,000,000 and 20,000,000 for any of the following acts:

*(Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Providing industrial property representation services without satisfying the practice conditions specified by law;

*(Kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp khi không đáp ứng điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật;)*

b) Forging papers and documents or providing untruthful information to competent state agencies in the process of registration and inspection of industrial property representation operations, application for industrial property representation practice certificates or request for recognition of industrial property representation service providers.

*(Giả mạo giấy tờ, tài liệu hoặc cung cấp thông tin không trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đăng ký kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.)*

4. A fine of between VND 20,000,000 and 40,000,000 for any of the following acts:

*(Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Disclosing information not yet permitted for disclosure of competent state management agencies relating to the process of receipt, appraisal and processing of various registration applications, complaints and requests for handling of industrial property violations;

*(Tiết lộ thông tin chưa được phép công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến quá trình tiếp nhận, thẩm định, xử lý các loại đơn đăng ký, khiếu nại, yêu cầu xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp;)*

b) Committing serious errors or violations in the course of practicing representation, causing damage to the interests of the State or society.

*(Có sai phạm nghiêm trọng trong khi hành nghề đại diện làm thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước hoặc xã hội.)*

5. Additional sanctions:

*(Hình thức xử phạt bổ sung:)*

Deprivation of the right to use industrial property representation practice certificates for between 01 and 03 months from the effective day of decision on sanction, for violations specified in Clause 4 of this Article;

*(Trước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.)*

6. Remedial measures:’

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:)*



Forcible destruction of counterfeit papers, documents for acts of violation specified in point b Clause 3 of this Article.

*(Buộc tiêu hủy giấy tờ, tài liệu giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.)*

## **Article 8. Violations of provisions on industrial property assessment** *(Vi phạm quy định về giám định sở hữu công nghiệp)*

1. A warning or a fine of between VND 500,000 and 1,000,000 for any of the following acts:  
*(Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Violating provisions on assessment order, procedures and time limit;  
*(Vi phạm quy định về trình tự, thủ tục giám định, thời hạn giám định;)*

b) Failing to be present when summoned by assessment-requesting agencies without any plausible reason, or failing to explain assessment conclusions when requested by assessment-requesting agencies.

*(Không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan trưng cầu giám định mà không có lý do chính đáng, không thực hiện việc giải thích kết luận giám định khi có yêu cầu của cơ quan trưng cầu giám định.)*

2. A fine of between VND 2,000,000 and VND 5,000,000 for acts of modifying, falsifying content of assessor cards or certificates of eligibility for industrial property assessment.

*(Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, làm sai lệch nội dung thẻ giám định viên, giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp)*

3. A fine of between VND 5,000,000 and 10,000,000 for any of the following acts:

*(Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Conducting industrial property assessment without satisfying the practice conditions specified by law;

*(Thực hiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp khi không đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật;)*

b) Disclosing secret information acquired while conducting assessment without permission of concerned parties;

*(Tiết lộ bí mật thông tin biết được khi tiến hành giám định mà không được phép của các bên liên quan;)*

c) Failing to compile assessment dossiers or failing to preserve exhibits and documents related to cases subject to assessment;

*(Không lập hồ sơ giám định, không thực hiện việc bảo quản các hiện vật, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định;)*

d) Using industrial property assessor cards of other persons or letting other persons use their own industrial property assessor cards to practice assessment.

*(Sử dụng thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp của người khác hoặc cho người khác sử dụng thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp của mình để hành nghề giám định.)*

4. A fine of between VND 10,000,000 and 20,000,000 for any of the following acts:  
*(Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Taking advantage of the assessor status and assessment activities for self-seeking purposes;  
*(Lợi dụng tư cách giám định và hoạt động giám định để trục lợi;)*

b) Deliberately making untruthful assessment conclusions;  
*(Cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật;)*

c) Modifying, erasing or otherwise falsifying assessment documents without permission;  
*(Tự ý sửa chữa, tẩy xóa hoặc có hành vi khác làm sai lệch văn bản giám định;)*

d) Forging or using forged papers or supplying untruthful information to competent state agencies in the process of registration and inspection of industrial property assessment operations, application for industrial property assessor cards or request for recognition of industrial property assessment organizations.

*(Làm giả hoặc sử dụng giấy tờ giả mạo hoặc cung cấp thông tin không trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đăng ký kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp, yêu cầu cấp thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, yêu cầu ghi nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;)*

dd) Conducting assessment in cases in which assessment must be refused as prescribed by law.

*(Thực hiện giám định trong trường hợp phải từ chối giám định theo quy định của pháp luật.)*

5. Additional sanctions:

*(Hình thức xử phạt bổ sung:)*

Deprivation of the right to use assessor cards or certificates of eligibility for industrial property assessment for between 01 and 03 months, for violations specified at Points a and b Clause 4 of this Article.

*(Tước quyền sử dụng thẻ giám định viên; giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều này.)*

6. Remedial measures:

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:)*

a) Forcible destruction of documents modified, falsified content or forged for violations specified in Clause 2, point c, point d Clause 4 of this Article;

*(Buộc tiêu hủy tài liệu sửa chữa, làm sai lệch nội dung hoặc giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Điểm c, Điểm d Khoản 4 Điều này;)*

b) Forcible remittance of illicit earnings from the commission of administrative violations specified in point a Clause 4 of this Article.

*(Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.)*

**Article 9. Violations of provisions on sealing, temporary seizure of infringing material evidence and means in the course of inspection and examination**



**(Vi phạm quy định về niêm phong, tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm trong quá trình thanh tra, kiểm tra)**

1. A fine of between VND 2,000,000 and 5,000,000 for acts of removing or breaking seals of material evidence and means of industrial property administrative violations subject to sealing or temporary seizure.

*(Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tháo gỡ, phá bỏ niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.)*

2. A fine of between VND 5,000,000 and 10,000,000 for acts of altering quantity or category of material evidence and means of industrial property administrative violations subject to sealing or temporary seizure.

*(Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thay đổi số lượng, chủng loại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.)*

3. A fine of between VND 15,000,000 and 30,000,000 for acts of selling, dispersing or destroying material evidence or means of industrial property administrative violations subject to sealing or temporary seizure.

*(Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.)*

4. Remedial measures:

Forcible recovery of dispersed material evidence and means, or forcible remittance of an amount equal to value of material evidence and means sold, dispersed, or destroyed for violations specified at Clause 3 of this Article.

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:*

*Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tẩu tán hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.)*

**SECTION 2. INFRINGEMENT OF RIGHTS AND UNFAIR COMPETITION IN INDUSTRIAL PROPERTY**

**(XÂM PHẠM QUYỀN VÀ CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP)**

**Article 10. Infringement of rights to inventions, utility solutions and layout designs  
(Xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí)**

1. A fine of between VND 500,000 and 2,000,000 shall be imposed for any of the following acts with business purpose in case where infringing goods are valued up to VND 3,000,000:

*(Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vì mục đích kinh doanh trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm đến 3.000.000 đồng:)*



a) Selling, offering for sale; transporting, included transiting; storing; displaying for sale of products infringing upon rights to inventions, utility solutions or layout designs, or products produced from a process infringing upon rights to inventions or utility solutions;

*(Bán; chào hàng; vận chuyển, kể cả quá cảnh; tàng trữ; trưng bày để bán sản phẩm xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí hoặc sản phẩm được sản xuất từ quy trình xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích;)*

b) Utilizing products infringing upon rights to inventions or utility solutions or products produced from a process infringing upon rights to inventions or utility solutions;

*(Khai thác công dụng sản phẩm xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc sản phẩm được sản xuất từ quy trình xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích;)*

c) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Points a and b of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này.)*

2. A fine of between VND 2,000,000 and 4,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 3,000,000 and 5,000,000.

*(Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.)*

3. A fine of between VND 4,000,000 and 8,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 5,000,000 and 10,000,000.

*(Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.)*

4. A fine of between VND 8,000,000 and 15,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 10,000,000 and 20,000,000.

*(Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.)*

5. A fine of between VND 15,000,000 and 25,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 20,000,000 and 40,000,000.

*(Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.)*

6. A fine of between VND 25,000,000 and 40,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 40,000,000 and 70,000,000.



*(Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.)*

7. A fine of between VND 40,000,000 and 60,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 70,000,000 and 100,000,000.

*(Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.)*

8. A fine of between VND 60,000,000 and 80,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 100,000,000 and 200,000,000.

*(Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.)*

9. A fine of between VND 80,000,000 and 110,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 200,000,000 and 300,000,000.

*(Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.)*

10. A fine of between VND 110,000,000 and 150,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 300,000,000 and 400,000,000.

*(Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.)*

11. A fine of between VND 150,000,000 and 200,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 400,000,000 and 500,000,000.

*(Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.)*

12. A fine of between VND 200,000,000 and 250,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 500,000,000.

*(Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm trên 500.000.000 đồng.)*

13. A fine of equal to 1.2 times the fine levels specified in Clauses 1 thru 12 of this Article, which must not exceed VND 250,000,000, shall be imposed for any of the following violations with business purposes:



*(Phạt tiền bằng 1,2 lần mức tiền phạt quy định từ Khoản 1 đến Khoản 12 Điều này nhưng không vượt quá 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vì mục đích kinh doanh:)*

a) Conducting production, including stages of: designing, building, manufacturing, processing, assembling and packaging products or goods infringing upon rights to inventions, utility solutions or layout designs;

*(Sản xuất bao gồm: Thiết kế, xây dựng, chế tạo, gia công, lắp ráp, chế biến, đóng gói sản phẩm, hàng hóa xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí;)*

b) Applying processes infringing upon rights to inventions, utility solutions;

*(Áp dụng quy trình xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích;)*

c) Importing products infringing upon rights to inventions, utility solutions or layout designs or products produced from processes infringing upon rights to inventions or utility solutions;

*(Nhập khẩu sản phẩm xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, thiết kế bố trí hoặc sản phẩm được sản xuất từ quy trình xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích;)*

d) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Points a, b and c of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.)*

14. Additional sanctions:

Suspension of the production, trading of infringing goods, for between 01 and 03 months, for violations specified in Clauses 1 thru 13 of this Article.

*(Hình thức xử phạt bổ sung;*

*Đình chỉ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 13 Điều này.)*

15. Remedial measures:

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:)*

a) Forcible removal and destruction of infringing elements for violations specified in Clauses 1 thru 13 of this Article;

*(Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 13 Điều này;)*

b) Forcible destruction of material evidence and means used in the commission of violations which infringing elements cannot be removed, for violations specified in Clauses 1 thru 13 of this Article;

*(Buộc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm nếu không loại bỏ được yếu tố vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 13 Điều này;)*

c) Forcible bringing out of the Vietnamese territory of transit goods infringing industrial property rights for violations specified in Clauses 1 thru 12 of this Article;

*(Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hàng hóa quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 12 Điều này;)*



d) Forcible remittance of illicit earnings from the commission of administrative violations specified in Clauses 1 thru 13 of this Article.

*(Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 13 Điều này.)*

## **Article 11. Infringement of rights to marks, geographical indications, trade names or industrial designs**

**(Xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp)**

1. A warning or fine of between VND 500,000 and 2,000,000 shall be imposed for any of the following acts with business purpose in case where infringing goods or services are valued up to VND 3,000,000:

*(Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây vì mục đích kinh doanh trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm đến 3.000.000 đồng:)*

a) Selling, offering for sale; transporting, included transiting; storing: displaying for sale of products or services infringing upon rights to marks, geographical indications, trade names or industrial designs;

*(Bán; chào hàng; vận chuyển, kể cả quá cảnh; tàng trữ; trưng bày để bán hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp;)*

b) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Point a of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản này.)*

2. A fine of between VND 2,000,000 and 4,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 3,000,000 and 5,000,000.

*(Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.)*

3. A fine of between VND 4,000,000 and 8,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 5,000,000 and 10,000,000.

*(Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.)*

4. A fine of between VND 8,000,000 and 15,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 10,000,000 and 20,000,000.

*(Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.)*





5. A fine of between VND 15,000,000 and 25,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 20.000,000 and 40,000.000.

*(Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.)*

6. A fine of between VND 25,000,000 and 40,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 40.000,000 and 70,000.000.

*(Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.)*

7. A fine of between VND 40,000,000 and 60,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 70.000,000 and 100,000.000.

*(Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.)*

8. A fine of between VND 60,000,000 and 80,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 100.000,000 and 200,000.000.

*(Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.)*

9. A fine of between VND 80,000,000 and 110,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 200.000,000 and 300,000.000.

*(Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.)*

10. A fine of between VND 110,000,000 and 150,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 300.000,000 and 400,000.000.

*(Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.)*

11. A fine of between VND 150,000,000 and 200,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods or services are valued at between over VND 400.000,000 and 500,000.000.

*(Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.)*

12. A fine of between VND 200,000,000 and 250,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 500.000,000.

*(Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm trên 500.000.000 đồng.)*

13. A fine of equal to 1.2 times the fine levels specified in Clauses 1 thru 12 of this Article, which must not exceed VND 250,000,000, for any of the following violations:

*(Phạt tiền bằng 1,2 lần mức tiền phạt quy định từ Khoản 1 đến Khoản 12 Điều này nhưng không vượt quá 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Designing, manufacture, processing, assembling and packaging goods bearing signs infringing upon rights to marks, trade names, geographical indications or industrial designs;

*(Thiết kế, chế tạo, gia công, lắp ráp, chế biến, đóng gói hàng hóa mang dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp;)*

b) Printing, sticking, attaching, molding or embossing or otherwise affixing stamps, labels or other articles bearing signs infringing upon rights to marks, geographical indications, industrial designs or trade names on goods;

*(In, dán, dính, đúc, dập khuôn hoặc bằng hình thức khác tem, nhãn, vật phẩm khác mang dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng công nghiệp, tên thương mại lên hàng hóa;)*

c) Importing goods bearing signs infringing upon rights to marks, geographical indications, trade names or industrial designs;

*(Nhập khẩu hàng hóa mang dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp;)*

d) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Points a, b and c of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.)*

14. A fine of between VND 10,000,000 and 30,000,000 shall be imposed for acts of infringing upon rights to marks, geographical indications, trade names or industrial designs as specified in Clauses 1 and 13 of this Article in case the value of infringing goods or services cannot be determined.

*(Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp quy định tại Khoản 1 và Khoản 13 Điều này trong trường hợp không có căn cứ xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm.)*

15. A fine of between VND 10,000,000 and 20,000,000 shall be imposed for acts of using signs infringing upon rights to marks, geographical indications, trade names on signboards, business transaction papers, means of business or service, goods packages.

*(Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại trên biển hiệu, giấy tờ giao dịch kinh doanh, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, bao bì hàng hóa.)*



16. Additional sanctions:

Suspension of trading in infringing goods or services, for between 01 and 03 months, for violations specified in from Clauses 1 thru 15 of this Article.

*(Hình thức xử phạt bổ sung:*

*Đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều này.)*

17. Remedial measures:

*(Biện pháp khắc phục hậu quả ☺*

a) Forcible removal and destruction of infringing elements for violations specified in from Clause 1 thru Clause 15 of this Article;

*(Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều này;)*

b) Forcible destruction of material evidence and means used in the commission of violations which infringing elements cannot be removed, infringing stamps, labels, packages and articles, for violations specified in Clauses 1 thru 15 of this Article;

*(Buộc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm nếu không loại bỏ được yếu tố vi phạm; tem, nhãn, bao bì, vật phẩm vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều này;)*

c) Forcible bringing out of the Vietnamese territory of transit goods infringing industrial property rights for violations specified in Clauses 1 thru 12 of this Article;

*(Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hàng hóa quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 12 Điều này;)*

d) Forcible change of enterprise name or removal of infringing elements in enterprise name, for violations specified in Clauses 1 thru 13 of this Article;

*(Buộc thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều này;)*

d) Forcible remittance of illicit earnings from the commission of administrative violations specified in Clauses 1 thru 15 of this Article.

*(Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều này.)*

**Article 12. Production, import, trading, transportation or storage for sale of goods bearing counterfeit marks or geographical indications**

***(Sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý)***

1. A fine of between VND 4,000,000 and 8,000,000 for any of the following acts in case where infringing goods are valued up to VND 5,000,000:

*(Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm đến 5.000.000 đồng:)*

a) Selling, offering for sale; transporting, included transiting; storing; displaying for sale of goods bearing counterfeit marks or geographical indications;

*(Bán; chào hàng; vận chuyển, kể cả quá cảnh; tàng trữ; trưng bày để bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý;)*

b) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Point a of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản này.)*

2. A fine of between VND 8,000,000 and 12,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 5.000,000 and 10,000.000.

*(Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.)*

3. A fine of between VND 12,000,000 and 20,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 10.000,000 and 20,000.000.

*(Phạt tiền từ 12.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.)*

4. A fine of between VND 20,000,000 and 35,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 20.000,000 and 40,000.000.

*(Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.)*

5. A fine of between VND 35,000,000 and 55,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 40.000,000 and 70,000.000.

*(Phạt tiền từ 35.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.)*

6. A fine of between VND 55,000,000 and 85,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 70.000,000 and 100,000.000.

*(Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 85.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.)*

7. A fine of between VND 85,000,000 and 120,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 100.000,000 and 200,000.000.

*(Phạt tiền từ 85.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.)*

8. A fine of between VND 120,000,000 and 180,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 200.000,000 and 300,000.000.

*(Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm từ trên 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.)*

9. A fine of between VND 180,000,000 and 250,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 300.000,000.

*Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm trên 300.000.000 đồng.)*

10. A fine of equal to 1.2 times the fine levels specified in Clauses 1 thru 9 of this Article, which must not exceed VND 250,000,000, for any of the following violations:

*(Phạt tiền bằng 1,2 lần mức tiền phạt quy định từ Khoản 1 đến Khoản 9 Điều này nhưng không vượt quá 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Manufacturing, processing, assembling and packaging goods bearing counterfeit marks or geographical indications;

*(Chế tạo, gia công, lắp ráp, chế biến, đóng gói hàng hóa mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo;)*

b) Printing, sticking, attaching, molding or embossing or otherwise affixing stamps, labels or other articles bearing counterfeit marks or geographical indications on goods;

*(In, dán, dính, đúc, dập khuôn hoặc bằng hình thức khác tem, nhãn, vật phẩm khác mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo lên hàng hóa;)*

c) Importing goods bearing counterfeit marks or geographical indications;

*(Nhập khẩu hàng hóa mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo;)*

d) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Points a, b and c of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại các Điểm a, b và c Khoản này.)*

11. A fine of between VND 10,000,000 and 30,000,000 for any violation specified in Clause 1 and Clause 10 of this Article in case the value of infringing goods cannot be determined.

*(Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 10 Điều này trong trường hợp không có căn cứ xác định giá trị hàng hóa vi phạm.)*

12. Additional sanctions:

*(Hình thức xử phạt bổ sung:)*

a) Confiscation of material evidence and means used in the commission of violations, for violations specified in Clauses 1 thru 11 of this Article;

*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 11 Điều này;)*

b) Suspension of trading in infringing goods or services, for between 01 and 03 months, for violations specified in from Clauses 1 thru 11 of this Article.

*(Đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 11 Điều này.)*

13. Remedial measures:

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:)*

a) Forcible destruction or distribution or bringing into use without commercial purpose for goods bearing counterfeit marks or geographical indications; raw materials, materials and means used mainly for producing or trading in those goods, provided such act does not affect the exercise of the industrial property rights by their holders, for violations specified in Clauses 1 thru 11 of this Article;

*(Buộc tiêu hủy hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 11 Điều này;)*

b) Forcible re-export of goods bearing counterfeit marks or geographical indications, or imported means, raw materials and materials used mainly for producing or trading in these goods after infringing elements on these goods are removed, for violations specified in Clauses 1 thru 10 of this Article;

*(Buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 10 Điều này;)*

c) Forcible remittance of illicit earnings from the commission of administrative violations specified in Clauses 1 thru 11 of this Article.

*(Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 11 Điều này.)*

### **Article 13. Production, import, trading, transportation or storage for sale of stamps, labels or articles bearing counterfeit marks or geographical indications**

***(Sản xuất, nhập khẩu, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để bán tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo)***

1. A warning or fine of between VND 500,000 and 1.000,000 shall be imposed for any of the following violations in case of stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications with quantity of 500 pieces, sheets or similar units (hereinafter abbreviated to units):

*(Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây trong trường hợp tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo có số lượng đến 500 cái, chiếc, tờ hoặc đơn vị tương đương (sau đây gọi tắt là đơn vị):)*

a) Selling; transporting, included transiting; supplying: storing; displaying for sale of stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications;

*(Bán; vận chuyển, kể cả quá cảnh; cung cấp; tàng trữ; trưng bày để bán tem, nhãn, bao bì, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo;)*

b) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Point a of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản này.)*

2. A fine of between VND 1,000,000 and 2,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case quantity of stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications is between over 500 units and 1,000 units.

*(Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo có số lượng từ trên 500 đơn vị đến 1.000 đơn vị.)*

3. A fine of between VND 2,000,000 and 4,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case quantity of stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications is between over 1,000 units and 2,000 units.

*(Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo có số lượng từ trên 1.000 đơn vị đến 2.000 đơn vị.)*

4. A fine of between VND 4,000,000 and 8,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case quantity of stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications is between over 2,000 units and 5,000 units.

*(Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo có số lượng từ trên 2.000 đơn vị đến 5.000 đơn vị.)*

5. A fine of between VND 8,000,000 and 15,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case quantity of stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications is between over 5,000 units and 10,000 units.

*(Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo có số lượng từ trên 5.000 đơn vị đến 10.000 đơn vị.)*

6. A fine of between VND 15,000,000 and 25,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case quantity of stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications is between over 10,000 units.

*(Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo có số lượng trên 10.000 đơn vị.)*

7. A fine of equal to 1.2 times the fine levels specified in Clauses 1 thru 6 of this Article shall be imposed for any of the following violations:

*(Phạt tiền bằng 1,2 lần mức tiền phạt quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Producing included designing, printing; importing stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications;

*(Sản xuất bao gồm cả thiết kế, in ấn; nhập khẩu tem, nhãn, bao bì, vật phẩm khác mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo;)*

b) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Point a of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản này.)*

8. Remedial measures:

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:)*

a) Forcible destruction of stamps, labels, packages or articles bearing counterfeit marks or geographical indications, for violations specified in Clauses 1 thru 7 of this Article;

*(Buộc tiêu hủy tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 7 Điều này;)*

b) Forcible remittance of illicit earnings from the commission of administrative violations specified in Clauses 1 thru 7 of this Article.

*(Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 7 Điều này.)*

#### **Article 14. Unfair competition in the domain of industrial property**

##### **(Cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp)**

1. A warning or fine of between VND 500,000 and 2,000,000 for any of the following acts in case where infringing goods or services are valued up to VND 3,000,000:

*(Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm đến 3.000.000 đồng:)*

a) Selling; transporting, included transiting; storing for sale of goods or services affixed with trade indications, thereby misleading as to business entities or activities, trade origin of goods or services or origin, method of production, utilities, quality, quantity or other features of goods or services or conditions for provision of goods or services;

*(Bán; vận chuyển, kể cả quá cảnh; tàng trữ để bán hàng hóa, dịch vụ có gắn chỉ dẫn thương mại lên hàng hóa, dịch vụ gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ hoặc xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa, dịch vụ hoặc về điều kiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ;)*

b) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Point a of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại Điểm a Khoản này.)*

2. A fine of between VND 2,000,000 and 4,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 3,000,000 and 5,000,000.

*(Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.)*

3. A fine of between VND 4,000,000 and 8,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 5,000,000 and 10,000,000.





*(Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.)*

4. A fine of between VND 8,000,000 and 15,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 10.000,000 and 20,000.000.

*(Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.)*

5. A fine of between VND 15,000,000 and 25,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 20.000,000 and 40,000.000.

*(Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.)*

6. A fine of between VND 25,000,000 and 40,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 40.000,000 and 70,000.000.

*(Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 40.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.)*

7. A fine of between VND 40,000,000 and 60,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 70.000,000 and 100,000.000.

*(Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.)*

8. A fine of between VND 60,000,000 and 80,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 100.000,000 and 200,000.000.

*(Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng.)*

9. A fine of between VND 80,000,000 and 110,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 200.000,000 and 300,000.000.

*(Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.)*

10. A fine of between VND 110,000,000 and 150,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 300.000,000 and 400,000.000.

*(Phạt tiền từ 110.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.)*

11. A fine of between VND 150,000,000 and 200,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods and services are valued at between over VND 400,000,000 and 500,000,000.

*(Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm từ trên 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng.)*

12. A fine of between VND 200,000,000 and 250,000,000 for any violation specified in Clause 1 of this Article in case infringing goods are valued at between over VND 500,000,000.

*(Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm trên 500.000.000 đồng.)*

13. A fine of equal to 1.2 times the fine levels specified in Clauses 1 thru 12 of this Article, which must not exceed VND 250,000,000, for any of the following violations:

*(Phạt tiền bằng 1,2 lần mức tiền phạt quy định từ Khoản 1 đến Khoản 12 Điều này nhưng không vượt quá 250.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Affixing trade indications on goods or services, thereby misleading as to business entities or activities, trade origin of goods or services or origin, method of production, utilities, quality, quantity or other features of goods or services or conditions for provision of goods or services;

*(Gắn chỉ dẫn thương mại lên hàng hóa, dịch vụ gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ hoặc xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa, dịch vụ hoặc về điều kiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ;)*

b) Producing or importing goods bearing misleading trade indications specified at Point a of this Clause;

*(Sản xuất, nhập khẩu hàng hóa mang chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn quy định tại Điểm a Khoản này;)*

c) Placing orders to, assigning or hiring other parties to commit violations specified at Points a and b of this Clause.

*(Đặt hàng, giao việc, thuê người khác thực hiện hành vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này)*

14. A fine of between VND 10,000,000 and 30,000,000 shall be imposed for acts of using misleading trade indications specified in Clause 1 and Clause 13 of this Article in case the value of infringing goods or services cannot be determined.

*(Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn quy định tại Khoản 1 và Khoản 13 Điều này trong trường hợp không có căn cứ xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm.)*

15. A fine of between VND 5,000,000 and 15,000,000 for any of the following acts:



*(Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Infringing upon rights to business secrets as prescribed in Article 127 of the Law on intellectual property;

*(Xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh theo quy định tại Điều 127 của Luật sở hữu trí tuệ;)*

b) Using on transaction papers or means of business, including also means of service, signboards and goods packages, trade indications which mislead as to business entities or activities or trade origin of goods or services or origin, method of production, utilities, quality, quantity or other features of goods or services or conditions for provision of goods or services.

*(Sử dụng chỉ dẫn thương mại trên giấy tờ giao dịch, phương tiện kinh doanh, gồm cả phương tiện dịch vụ, biển hiệu, bao bì hàng hóa gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ hoặc xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa, dịch vụ hoặc về điều kiện cung cấp hàng hóa, dịch vụ.)*

16. A fine of between VND 5,000,000 and 20,000,000 for any of the following acts:

*(Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:)*

a) Registering or appropriating the right to use or using domain names identical or confusingly similar to protected marks, geographical indications or trade names of other parties in order to appropriate domain names, taking advantage of or harming reputation of those marks, trade names or geographical indications;

*(Đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại của người khác được bảo hộ nhằm chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng;)*

b) Using marks protected in a country being contracting party to a treaty which bans representatives or agents of mark owners from using these marks and to which Vietnam is a contracting party, provided that users are representatives or agents of mark owners and this use is neither authorized by mark owners nor justifiable.

*(Sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó mà Việt Nam cũng là thành viên, nếu người sử dụng là người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu và việc sử dụng đó không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng.)*

17. Additional sanctions:

*(Hình thức xử phạt bổ sung:)*

Suspension of trading in infringing goods or services, included e-commercial activities, for between 01 and 03 months, for violations specified in from Clauses 1 thru 16 of this Article.

*(Đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm, kể cả hoạt động thương mại điện tử từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 16 Điều này.)*



18. Remedial measures:

*(Biện pháp khắc phục hậu quả:)*

a) Forcible removal or forcible destruction of infringing elements, forcible destruction of infringing goods from which infringing elements cannot be removed, for violations specified in Clauses 1 thru 16 of this Article;

*(Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm; buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm nếu không loại bỏ được yếu tố vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 16 Điều này;)*

b) Forcible removal of information on infringing goods or services on means of business, services, or websites, for violations specified in Clauses 15 and 16 of this Article;

*(Buộc loại bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm trên phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, trang tin điện tử đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 15 và Khoản 16 Điều này;)*

c) Forcible change of enterprise name or removal of infringing elements in enterprise name, for violations specified in Clauses 1 thru 15 of this Article; forcible change or withdrawal of domain names, for violation specified in point a Clause 16 of this Article;

*(Buộc thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 15 Điều này; buộc thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 16 Điều này;)*

d) Forcible remittance of illicit earnings from the commission of administrative violations specified in Clauses 1 thru 16 of this Article.

*(Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định từ Khoản 1 đến Khoản 16 Điều này.)*

### Chapter 3.

## COMPETENCE FOR ADMINISTRATIVE SANCTION (THẨM QUYỀN XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH)

### Article 15. Sanctioning competence

**(Thẩm quyền xử phạt)**

1. Scientific and technological inspectorates are competent to handle violations specified in Chapter II of this Decree.

*(Thanh tra Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định này.)*

2. Information and communications inspectorates are competent to handle violations specified in Point a, Clause 16, Article 14 of this Decree.

*(Thanh tra Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 16 Điều 14 của Nghị định này.)*

3. Market management offices are competent to handle the following violations:

*(Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm sau đây:)*



a) Violations specified in Article 12 and Article 13 of this Decree in manufacturing, trading, transporting, storing goods at domestic market;  
*(Hành vi vi phạm quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Nghị định này trong hoạt động sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ hàng hóa tại thị trường trong nước;)*

b) Violations specified in Articles 6, 9, 11 and 14 of this Decree in trading, transporting goods at domestic market. In case where facilities producing those goods are identified when handling violations specified in point b Clause 3 of this Article, the competent Market management offices may continue handling violations at the production facilities.

*(Hành vi vi phạm quy định tại các Điều 6, 9, 11 và 14 của Nghị định này trong hoạt động buôn bán, vận chuyển hàng hóa tại thị trường trong nước. Trong trường hợp xử lý hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này mà xác định được cơ sở sản xuất loại hàng hóa đó thì Quản lý thị trường có thẩm quyền tiếp tục xử lý hành vi vi phạm tại cơ sở sản xuất.)*

4. Customs offices are competent to handle violations specified in Articles 6, 9, 10, 11, 12, 13 and 14 of this Decree in the transit or import of goods.

*(Hải quan có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm quy định tại các Điều 6, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Nghị định này trong hoạt động quá cảnh, nhập khẩu hàng hóa.)*

5. Police agencies are competent to detect, verify, collect information and evidence of acts infringing industrial property rights and provide them to agencies handling violations specified in Clauses 1, 2, 3 and 4 of this Article; and competent to handle violations specified in Articles 9, 12 and 13 of this Decree.

*(Công an có thẩm quyền phát hiện, xác minh, thu thập thông tin, chứng cứ các hành vi xâm phạm quyền về sở hữu công nghiệp và cung cấp cho các cơ quan xử lý vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này; có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm quy định tại các Điều 9, 12 và 13 của Nghị định này.)*

6. The provincial and district-level People's Committees are competent to handle violations in industrial property which are committed in their respective localities on the principle of determination and apportionment of competence sanctioning administrative violations provided in Article 38 and Article 52 of the Law on Handling of Administrative Violations.

*(Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có thẩm quyền xử phạt hành vi vi phạm trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp xảy ra tại địa phương theo nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 38 và Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính.)*

## **Article 16. Sanctioning competence of scientific and technological inspectorates**

### **(Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Khoa học và Công nghệ)**

1. Inspectors of the Inspectorate of Science and Technology Ministry, or Inspectorate of provincial-level Science and Technology Departments who are on duty may:

*(Thanh tra viên thuộc Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ đang thi hành công vụ có quyền:)*

a) Impose warning;

*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 500,000;

*(Phạt tiền đến 500.000 đồng;)*



c) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;  
*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;)*

d) Apply remedies specified at Point d Clause 3 Article 3 of this Decree.  
*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

2. Chief inspectors of provincial-level Science and Technology Departments, or heads of specialized inspectorate delegations of the provincial-level Science and Technology Departments may:

*(Chánh Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Khoa học và Công nghệ có quyền:)*

a) Impose warning;  
*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 50,000,000;  
*(Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;)*

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
*(Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;)*

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;  
*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;)*

dd) Apply remedies specified at Clause 3 Article 3 of this Decree.  
*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

3. Chief inspector of the Science and Technology Ministry may:  
*(Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ có quyền:)*

a) Impose warning;  
*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 250,000,000;  
*(Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;)*

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
*(Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;)*

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations;  
*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;)*



dd) Apply remedies specified at Clause 3 Article 3 of this Decree.  
(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)

4. Heads of specialized inspectorate delegations of the Science and Technology Ministry may:

(*Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Khoa học và Công nghệ có thẩm quyền:*)

a) Impose warning;

(*Phạt cảnh cáo;*)

b) Fine up to VND 175,000,000;

(*Phạt tiền đến 175.000.000 đồng;*)

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;

(*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;*)

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;

(*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;*)

dd) Apply remedies specified at Clause 3 Article 3 of this Decree.

(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)

#### **Article 17. Sanctioning competence of information and communications inspectorates (Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Thông tin và Truyền thông)**

1. Inspectors of the Inspectorate of information and communications Ministry or Inspectorates of provincial-level information and communications Departments who are on duty may:

(*Thanh tra viên thuộc Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông đang thi hành công vụ có quyền:*)

a) Impose warning;

(*Phạt cảnh cáo;*)

b) Fine up to VND 500,000;

(*Phạt tiền đến 500.000 đồng;*)

c) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;

(*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;*)

d) Apply remedies specified at Point a Clause 3 Article 3 of this Decree.

(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)



2. Chief inspectors of provincial-level Science and Technology Departments, or heads of specialized inspectorate delegations of the provincial-level Science and Technology Departments may:

*(Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Thông tin và Truyền thông có quyền:)*

a) Impose warning;  
*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 50,000,000;  
*(Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;)*

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
*(Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;)*

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;  
*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;)*

d) Apply remedies specified at Point a Clause 3 Article 3 of this Decree.  
*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

3. Chief inspector of Information and Communications Ministry may:  
*(Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông có quyền:)*

a) Impose warning;  
*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 250,000,000;  
*(Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;)*

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
*(Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;)*

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations;  
*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;)*

dd) Apply remedies specified at Point a Clause 3 Article 3 of this Decree.  
*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định này.)*

4. Heads of specialized inspectorate delegations of the Information and Communications Ministry may:  
*(Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền:)*





a) Impose warning;  
(*Phạt cảnh cáo;*)

b) Fine up to VND 175,000,000;  
(*Phạt tiền đến 175.000.000 đồng;*)

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
(*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;*)

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;  
(*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;*)

dd) Apply remedies specified at Point a Clause 3 Article 3 of this Decree.  
(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)

## **Article 18. Sanctioning competence of market management officers (Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường)**

1. Heads of market management teams may:  
(*Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:*)

a) Impose warning;  
(*Phạt cảnh cáo;*)

b) Fine up to VND 25,000,000;  
(*Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;*)

c) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;  
(*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;*)

d) Apply remedies specified at Points a, b, d, dd, e, g and h Clause 3 Article 3 of this Decree.  
(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, d, đ, e, g và h Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)

2. Directors of market management sub-departments of the provincial Departments of Industry and Trade, Heads of anti-smuggling divisions and anti-counterfeits divisions under the market management departments may:  
(*Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:*)

a) Impose warning;  
(*Phạt cảnh cáo;*)



b) Fine up to VND 50,000,000;  
(*Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;*)

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
(*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;*)

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;  
(*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;*)

dd) Apply remedies specified at Clause 3 Article 3 of this Decree.  
(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)

3. Directors of the provincial market management Departments may:  
(*Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:*)

a) Impose warning;  
(*Phạt cảnh cáo;*)

b) Fine up to VND 250,000,000;  
(*Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;*)

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
(*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;*)

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations;  
(*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;*)

dd) Apply remedies specified at Clause 3 Article 3 of this Decree.  
(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)

### **Article 19. Sanctioning competence of customs officers** (**Thẩm quyền xử phạt của Hải quan**)

1. Heads of professional operation teams of Customs sub-Departments or Post-Customs Clearance Inspection Sub-Departments may:  
(*Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:*)

a) Impose warning;  
(*Phạt cảnh cáo;*)

b) Fine up to VND 5,000,000,000;  
(*Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.*)



2. Directors of Customs Sub-Departments or Post-Customs Clearance Inspection Sub-Departments, heads of control teams of provincial, inter-provincial or municipal Customs Departments (below referred to as provincial-level Customs Departments), heads of anti-smuggling control teams, heads of customs procedures teams, heads of intellectual property right control and protection teams and captains of sea patrol flotillas of the Anti-Smuggling Investigation Department of the General Department of Customs may:

*(Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Cục Hải quan), Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội Thủ tục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:)*

a) Impose warning;

*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 25,000,000;

*(Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;)*

c) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;

*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;)*

d) Apply remedies specified at Points a, b, d, dd, g and h Clause 3 Article 3 of this Decree.

*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, g và h Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

3. The directors of the Anti-Smuggling Investigation Department and the Post-Customs Clearance Inspection Department of the General Department of Customs and directors of provincial-level Customs Departments may:

*(Cục trưởng Cục điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:)*

a) Impose warning;

*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 50,000,000;

*(Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;)*

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;

*(Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;)*

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;

*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;)*



dd) Apply remedies specified at Points a, b, c, d, dd, g and h Clause 3 Article 3 of this Decree.

*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, g và h Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

4. General Director of the General Department of Customs may:

*(Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:)*

a) Impose warning;

*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 250,000,000;

*(Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;)*

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations;

*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;)*

d) Apply remedies specified at Points a, b, c, d, dd, g and h Clause 3 Article 3 of this Decree.

*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, g và h Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

## **Article 20. Sanctioning competence of People's Public Security officers**

### **(Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân)**

1. Heads of border-gate and processing and exporting zone police stations may:

*(Trạm trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:)*

a) Impose warning;

*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 2,500,000;

*(Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;)*

c) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;

*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;)*

d) Apply remedies specified at Point d Clause 3 Article 3 of this Decree.

*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 3 Nghị định này.)*

2. District-level police chiefs, heads of police sections for investigation of crimes related to economic management order and positions may:

*(Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ có quyền:)*

a) Impose warning;

*(Phạt cảnh cáo;)*



b) Fine up to VND 25,000,000;  
(*Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;*)

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
(*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;*)

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;  
(*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;*)

dd) Apply remedies specified at Points b, d, dd, and g Clause 3 Article 3 of this Decree.  
(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm b, d, đ và g Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)

3. Directors of provincial-level Police Departments may:  
(*Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:*)

a) Impose warning;  
(*Phạt cảnh cáo;*)

b) Fine up to VND 50,000,000;  
(*Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;*)

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
(*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;*)

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;  
(*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;*)

dd) Apply remedies specified at Points b, d, dd, g and h Clause 3 Article 3 of this Decree.  
(*Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm b, d, đ, g và h Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.*)

4. Director of the Police Department for Investigation of Crimes related to Economic Management Order and Positions may:  
(*Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ có quyền:*)

a) Impose warning;  
(*Phạt cảnh cáo;*)

b) Fine up to VND 250,000,000;  
(*Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;*)



c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;  
*(Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;)*

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations;  
*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;)*

dd) Apply remedies specified at Points b, d, dd, g and h Clause 3 Article 3 of this Decree.  
*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm b, d, đ, g và h Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

5. Apart from persons defined in Clauses 1, 2, 3 and 4 of this Article, competent persons of People's Public Security forces who detect acts of administrative violations in industrial property under their competence and management localities may sanction as prescribed in Article 39 of the Law on handling of administrative violations and this Decree.

*(Ngoài những người quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này, những người có thẩm quyền thuộc lực lượng Công an nhân dân phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp thuộc thẩm quyền và địa bàn quản lý của mình thì có quyền xử phạt theo quy định tại Điều 39 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này.)*

## **Article 21. Sanctioning competence of chairpersons of district- and provincial-level People's Committees**

***(Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)***

1. Chairpersons of district-level People's Committees may:

*(Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:)*

a) Impose warning;

*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 50,000,000;

*(Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;)*

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;

*(Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;)*

c) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations valued not exceeding the fine level specified in point b of this Clause;

*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;)*

dd) Apply remedies specified at Points b, d, dd, e, g and h Clause 3 Article 3 of this Decree.

*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm b, d, đ, e, g và h Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

2. Chairpersons of provincial People's Committees may:

*(Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:)*

a) Impose warning;

*(Phạt cảnh cáo;)*

b) Fine up to VND 250,000,000;

*(Phạt tiền đến 250.000.000 đồng;)*

d) Confiscate material evidence or means used in the commission of administrative violations;

*(Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;)*

c) Deprive of the right to use practice permits or certificates for a definite period or suspend the business in infringing goods or services for a definite period;

*(Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm có thời hạn;)*

dd) Apply remedies specified at Clause 3 Article 3 of this Decree.

*(Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.)*

#### **Chapter 4.** **HANDLING OF VIOLATIONS** **(XỬ LÝ HÀNH VI VI PHẠM)**

#### **Article 22. Right to request handling of violations and competence to take the initiative in detecting and handling violations**

***(Quyền yêu cầu xử lý vi phạm và thẩm quyền chủ động phát hiện, xử lý vi phạm)***

1. Industrial property rights holders that may request handling of violations in the domain of industrial property include:

*(Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp có quyền yêu cầu xử lý vi phạm trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp bao gồm:)*

a) Industrial property rights holders that suffer damage caused by violations, including also organizations authorized to manage geographical indications currently protected in Vietnam;

*(Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp bị thiệt hại do hành vi vi phạm bao gồm cả tổ chức được trao thẩm quyền quản lý chỉ dẫn địa lý được bảo hộ tại Việt Nam;)*

b) Persons licensed to use industrial property objects who suffer damage caused by violations, provided their right to request handling of violations are not restricted by industrial property rights holders.

*(Người có quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp bị thiệt hại do hành vi vi phạm, nếu không bị chủ sở hữu công nghiệp hạn chế quyền yêu cầu xử lý vi phạm.)*

When exercising the right to request handling of acts infringing upon industrial property rights provided at Point a, Clause 1, Article 211 of the Law on Intellectual Property and acts of unfair competition specified in Article 130 of the Law on Intellectual Property,

organizations and individuals defined in this Clause shall clearly indicate the nature and severity of violations in their requests and supply documents and evidence specified in Clause 2, Article 26 of this Decree.

*(Khi thực hiện yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 211 của Luật sở hữu trí tuệ và hành vi cạnh tranh không lành mạnh quy định tại Điều 130 của Luật sở hữu trí tuệ, tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản này phải nêu rõ tính chất, mức độ vi phạm trong đơn yêu cầu xử lý vi phạm và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị định này.)*

2. Organizations and individuals that detect acts infringing upon industrial property rights, thus causing damage to consumers or the society, violations related to goods, stamps, labels or articles bearing counterfeit marks or geographical indications; organizations and individuals that suffer damage or are likely to suffer damage caused by acts of unfair competition in the domain of industrial property may notify and request competent agencies to carry out procedures for verifying and sanctioning violations.

*(Tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội, hành vi vi phạm liên quan đến hàng hóa, tem, nhãn, vật phẩm mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo; tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp gây ra có quyền thông báo và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục xác minh, xử phạt vi phạm.)*

Upon receiving notices of organizations and individuals defined in this Clause, agencies competent to handle violations shall inspect and coordinate with industrial property rights holders in verifying and handling violations under Clause 3 of this Article.

*(Khi nhận được thông báo của tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản này, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với chủ thể quyền sở hữu công nghiệp xác minh, xử lý vi phạm theo quy định tại Khoản 3 Điều này.)*

3. Agencies competent to handle violations shall take the initiative in inspecting, examining, detecting and coordinate with industrial property rights holders in verifying and handling violations related to the following objects:

*(Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có trách nhiệm chủ động kiểm tra, thanh tra, phát hiện và phối hợp với chủ thể quyền sở hữu công nghiệp xác minh, xử lý vi phạm liên quan đến các đối tượng sau đây:)*

a) Goods, stamps, labels, packages and other articles bearing counterfeit marks or geographical indications;

*(Hàng hóa, tem, nhãn, bao bì, vật phẩm khác mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý giả mạo;)*

b) Infringing goods or services related to food, foodstuffs, pharmaceuticals, cosmetics, livestock feed, fertilizers, veterinary drugs, plant protection drugs, construction materials, means of transport, chemicals for medical, agricultural or environmental use, and other items identified by competent persons while conducting periodical or irregular inspection or examination.

*(Hàng hóa, dịch vụ vi phạm liên quan đến lương thực, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vật liệu xây dựng, phương tiện giao thông, hóa chất dùng trong y tế, nông nghiệp, môi trường và những mặt hàng khác do người có thẩm quyền xác định theo nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất.)*





## **Article 23. Authorization to request handling of violations** **(Ủy quyền yêu cầu xử lý vi phạm)**

1. Industrial property rights holders defined in Clause 1, Article 24 of this Decree that do not directly file their requests for handling of violations may authorize heads of their representative offices, branches or agents or industrial property representation service providers in Vietnam to carry out all procedures for requesting handling of violations under this Decree.

*(Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 22 của Nghị định này nếu không trực tiếp nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm thì có thể ủy quyền cho người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh, đại lý của mình hoặc đại diện sở hữu công nghiệp tại Việt Nam tiến hành thủ tục yêu cầu xử lý vi phạm quy định tại Nghị định này.)*

2. Authorization must be made in writing in the form of power of attorney or authorization contract.

*(Việc ủy quyền phải được làm bằng văn bản dưới hình thức giấy ủy quyền hoặc hợp đồng ủy quyền.)*

A power of attorney of organization or individual in Vietnam must bear a signature of legal representative of the authorizing party and confirmation seal of the authorizing party, in case of possessing a legally-registered seal.

*(Văn bản ủy quyền của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của bên ủy quyền và con dấu xác nhận của bên ủy quyền, nếu có con dấu đăng ký hợp pháp.)*

A power of attorney made by a foreign organization or individual must be certified by a notary public, consular office or local administration or other form considered as being lawful as prescribed by law of where it is made.

*(Văn bản ủy quyền của tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có xác nhận của công chứng hoặc chính quyền địa phương hoặc lãnh sự quán, hoặc hình thức khác được coi là hợp pháp theo quy định của pháp luật tại nơi lập văn bản ủy quyền.)*

3. A power of attorney enclosed with the request for handling of violations must be original. A power of attorney made in a foreign language must be enclosed with its Vietnamese translation certified by local administration or bearing guarantee and certification by an industrial property representation service provider being the authorized.

*(Văn bản ủy quyền nộp kèm theo đơn yêu cầu xử lý vi phạm phải là bản gốc. Văn bản ủy quyền làm bằng tiếng nước ngoài thì phải nộp kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có chứng thực của chính quyền địa phương hoặc có cam kết và xác nhận của đại diện sở hữu công nghiệp là bên nhận ủy quyền.)*

In case a copy of a power of attorney refers to the original power of attorney already included in a dossier previously filed with the same violation-handling agency, such copy is also considered valid, provided that the applicant must specify number code of the filed dossier and the original is still valid and consistent with contents of authorization.

*(Trường hợp văn bản ủy quyền là bản sao của bản gốc văn bản ủy quyền đã nộp trong hồ sơ trước đó cho cùng cơ quan xử lý vi phạm thì cũng được coi là hợp lệ, với điều kiện người nộp đơn phải chỉ rõ số hồ sơ đã nộp và bản gốc văn bản ủy quyền được chỉ dẫn vẫn đang có hiệu lực và đúng nội dung ủy quyền.)*



4. A power of attorney which is valid in procedures for establishing rights under Article 107 of the Law on Intellectual Property and clearly indicates contents of authorization including enforcement and protection of industrial property rights in Vietnam is also legally valid in procedures for requesting handling of violations under this Decree.

*(Văn bản ủy quyền có giá trị trong thủ tục xác lập quyền theo quy định tại Điều 107 của Luật sở hữu trí tuệ có ghi rõ nội dung ủy quyền bao gồm thủ tục thực thi, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam thì cũng có giá trị pháp lý trong thủ tục yêu cầu xử lý vi phạm theo quy định tại Nghị định này.)*

5. Time limit of authorization is defined under time limit inscribed in the power of attorney. If a power of attorney fails to inscribe time limit, the time limit of authorization will be defined according to Clause 3 Article 107 of the law on intellectual property.

*(Thời hạn ủy quyền được xác định theo thời hạn ghi trong văn bản ủy quyền. Trong trường hợp văn bản ủy quyền không ghi rõ thời hạn thì thời hạn ủy quyền được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 107 của Luật sở hữu trí tuệ.)*

## **Article 24. Requests for handling of violations**

### **(Đơn yêu cầu xử lý vi phạm)**

1. A request for handling of a violation must be made in writing, under form of application for handling of violation, clearly indicating the date of making, name(s) of request-receiving agency(ies), information on the requesting organization or individual; lawful representative or authorized organization or individual; concerned industrial property object; goods or service showing signs of infringement; name and address of infringing organization or individual; proposed handling measure(s); signature of the lawful representative of the requesting organization or individual or the authorized organization or individual, and the seal for signature certification (if any). If such a request has been previously filed with another agency, it must clearly indicate the name of this agency and the filing date.

*(Yêu cầu xử lý vi phạm phải được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức đơn yêu cầu xử lý vi phạm, trong đó nêu rõ ngày làm đơn, tên cơ quan nhận đơn hoặc các cơ quan nhận đơn, thông tin về tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm; người đại diện hợp pháp hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền; đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan; hàng hóa, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm; tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân vi phạm; biện pháp yêu cầu xử lý; chữ ký của người đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền, dấu xác nhận chữ ký, nếu có; nếu trước đó đơn đã được gửi cho cơ quan khác thì phải ghi rõ tên cơ quan và ngày gửi đơn trước đó.)*

2. A written request for handling of a violation must be enclosed with documents evidencing the right to request handling of violation; documents describing or photos of infringing act, goods or service; place in which the infringing act is committed or infringing goods or service exists.

*(Đơn yêu cầu xử lý vi phạm phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền yêu cầu xử lý vi phạm; tài liệu mô tả hoặc ảnh chụp hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm; địa điểm nơi có hành vi hoặc hàng hóa, dịch vụ vi phạm.)*

The requester may supply other documents, samples or evidence to help the competent agency identify the infringing act and goods or service.

*(Tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm có thể cung cấp các tài liệu, mẫu vật, chứng cứ khác để hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm và hàng hóa, dịch vụ vi phạm.)*



**Article 25. Receipt and examination of written requests for handling of violations**  
**(Tiếp nhận và xem xét đơn yêu cầu xử lý vi phạm)**

1. When receiving a written request for handling of a violation, a violation-receiving agency shall implement the following jobs:

*(Khi nhận được đơn yêu cầu xử lý vi phạm, cơ quan nhận đơn có trách nhiệm thực hiện các công việc sau đây:)*

a) Determine the competence to handle the violation; if the written request for handling of a violation falls under the handling competence of another agency, guide the requester to file this request with that agency;

*(Xác định thẩm quyền xử lý vi phạm, nếu yêu cầu xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan khác thì hướng dẫn người nộp đơn thực hiện việc nộp đơn tại cơ quan có thẩm quyền;)*

b) Examine documents and evidence enclosed with the written request.

*(Kiểm tra tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn.)*

2. Examination of a written request for handling of a violation shall be conducted as follows:

*(Xem xét đơn yêu cầu xử lý vi phạm theo quy định sau đây:)*

a) Within 10 working days after receiving the written request, the violation-handling agency shall consider the validity of the written request and enclosed documents and evidence;

*(Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu xử lý vi phạm, cơ quan xử lý vi phạm có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo;)*

b) When documents or evidence supplied by the requester are insufficient, the violation-handling agency shall request the requester to supplement documents and evidence or give explanations within 30 days after being requested;

*(Trường hợp tài liệu, chứng cứ do người nộp đơn cung cấp chưa đầy đủ thì cơ quan xử lý vi phạm yêu cầu người nộp đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ hoặc giải trình trong thời hạn tối đa là 30 ngày, kể từ ngày yêu cầu;)*

c) The agency competent to accept the case for handling may request the alleged violator to furnish information, evidence and give explanations; solicit expert opinions of the state management agency in charge of industrial property or request industrial property assessment to clarify circumstances of the case;

*(Cơ quan có thẩm quyền thụ lý vụ việc có thể yêu cầu bên bị yêu cầu xử lý vi phạm cung cấp thông tin, chứng cứ, giải trình; trưng cầu ý kiến chuyên môn của cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp hoặc trưng cầu giám định sở hữu công nghiệp để làm rõ các tình tiết của vụ việc;)*

d) Within 30 days after receiving the complete dossier which satisfies the requirements, the competent person shall notify the requester of the projected time of handling, procedures and measures and request cooperation and support of the industrial property rights holder in the inspection, examination, verification and handling of the violation.

*(Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đáp ứng yêu cầu, người có thẩm quyền thông báo cho tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm về dự định thời gian, thủ tục, biện pháp xử lý và yêu cầu hợp tác, hỗ trợ của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp trong thanh tra, kiểm tra, xác minh và xử lý vi phạm.)*



3. Rights and responsibilities of parties requested to be handled for their violations:

*(Quyền và trách nhiệm của bên bị yêu cầu xử lý vi phạm:)*

a) In the course of handling a case, the party requested to be handled may, at his/her/its own will or the request of a competent person, provide information, documents and evidence and give explanations, in case of disagreeing with the requester, within 10 days after the date fixed in the notice of the competent person currently handling the violation or the date of making a minutes of inspection, minutes of administrative violation. If there is a plausible reason, the party requested to be handled may request in writing the competent person currently handling the case to prolong that time limit for not more than 30 days after the date fixed in the notice or the date of making a minutes of inspection or minutes of administrative violation;

*(Trong quá trình xử lý vụ việc, bên bị yêu cầu xử lý có thể tự mình hoặc theo yêu cầu của người có thẩm quyền cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ, giải trình trong trường hợp không đồng ý với bên yêu cầu xử lý vi phạm trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được ấn định trong thông báo của người có thẩm quyền đang thụ lý vụ vi phạm hoặc ngày lập biên bản thanh tra, biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp có lý do chính đáng, bên bị yêu cầu xử lý có thể đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền kéo dài thời hạn trên nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày được ấn định trong thông báo hoặc ngày lập biên bản thanh tra, biên bản vi phạm hành chính;)*

b) The party requested to be handled may authorize another organization or individual under Article 23 of this Decree to provide information, documents and evidence and give explanations under Point a of this Clause;

*(Bên bị yêu cầu xử lý có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Điều 23 của Nghị định này thực hiện việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ, giải trình quy định tại Điểm a Khoản này;)*

c) To prove that his/her/its act does not infringe upon the right to an invention or a utility solution being a process, the party requested to be handled is obliged to prove that the product believed to be produced from the process infringing upon the right to that invention or utility solution has, in fact, not been produced from the process protected as an invention or a utility solution and satisfied the relevant conditions specified in Clause 4, Article 203 of the Law on Intellectual Property;

*(Để chứng minh hành vi không xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích là quy trình, bên bị yêu cầu xử lý có nghĩa vụ chứng minh sản phẩm bị cho là được sản xuất từ quy trình xâm phạm quyền đối với sáng chế, giải pháp hữu ích trong thực tế không được sản xuất từ quy trình được bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, tuân theo các điều kiện tương ứng quy định tại Khoản 4 Điều 203 của Luật sở hữu trí tuệ;)*

d) In case the party requested to be handled fails to provide or provides insufficient information, documents, evidence and explanations to prove his/her/its lawful act, the competent person shall decide to handle the case based on inspection and examination results and information, documents and evidence provided by the requester, for issuing a handling decision.

*(Trường hợp bên bị yêu cầu xử lý không cung cấp hoặc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ, ý kiến giải trình không đủ để chứng minh cho việc không vi phạm, người có thẩm quyền quyết định xử lý vụ việc dựa trên kết quả thanh tra, kiểm tra và thông tin, tài liệu, chứng cứ do tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm cung cấp để ra quyết định xử lý.)*

**Article 26. Provision of evidence and information to identify violations**  
**(Cung cấp chứng cứ, thông tin xác định vi phạm)**

1. A requester for handling of a violation may request industrial property assessment or request the state management agency in charge of industrial property to give its expert opinions for identifying the protection scope and infringing elements, or take the initiative in providing documents and evidence to prove the infringing act or to clarify circumstances of the case.

*(Người yêu cầu xử lý vi phạm có thể thực hiện dịch vụ yêu cầu giám định sở hữu công nghiệp, yêu cầu cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp cung cấp ý kiến chuyên môn về xác định phạm vi bảo hộ và yếu tố vi phạm, chủ động cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi xâm phạm hoặc làm rõ các tình tiết của vụ việc.)*

2. The agency competent to handle the violation may request the requester to provide documents, evidence and explanations or clarify circumstances of the case within a given time limit; request the industrial property rights holder to provide information, documents and samples to identify signs of violation, genuine goods and counterfeit or infringing goods, source of supply or place of consumption of lawful goods, grounds for identifying goods produced beyond the scope of licensing of industrial property object or imports other than parallel imports.

*(Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có thể yêu cầu người yêu cầu xử lý vi phạm, cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến giải trình hoặc làm rõ các tình tiết của vụ việc trong thời hạn xác định; yêu cầu chủ thể quyền sở hữu công nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu, mẫu vật để nhận biết dấu hiệu vi phạm, xác định hàng thật, hàng giả mạo, hàng xâm phạm, nguồn cung cấp hoặc nơi tiêu thụ hàng hóa hợp pháp, căn cứ xác định hàng hóa sản xuất ngoài phạm vi được cấp phép quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc hàng nhập khẩu không phải là hàng nhập khẩu song song.)*

3. The agency competent to handle the violation may conduct at its own will inspection, verification, collection of evidence, determination of the scope of industrial property rights protection and identification of the act of violation under the law on intellectual property. When necessary, it may request a functional agency to conduct verification, collect evidence of violation, request the state management agency in charge of industrial property to give its expert opinions or request industrial property assessment to identify the scope of protection and infringing elements.

*(Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có thể tự mình tiến hành kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và xác định hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật về hữu trí tuệ. Trường hợp cần thiết có thể đề nghị cơ quan chức năng tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm, yêu cầu cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp cung cấp ý kiến chuyên môn hoặc trưng cầu giám định sở hữu công nghiệp để xác định phạm vi bảo hộ và xác định yếu tố vi phạm.)*

4. The person competent to handle the violation may base him/herself on the industrial property rights holder's written confirmation of goods or service bearing a counterfeit mark or geographical indication, written expert opinions of the state management agency in charge of industrial property and written assessment conclusion to identify the violation but shall take legal responsibility for his/her violation conclusion and violation-handling decision.

*(Người có thẩm quyền xử lý vi phạm có thể dựa trên văn bản cam kết xác nhận hàng hóa, dịch vụ giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, văn bản ý kiến chuyên môn của cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp, văn bản kết luận giám định*

*để xác định hành vi vi phạm nhưng phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với kết luận vi phạm và quyết định xử lý vi phạm của mình.)*

5. The agency competent to handle the violation may provide relevant information on the place of production, consumption channel and source of supply of counterfeit or infringing goods and circumstances of the case at the request of the industrial property rights holder or a person competent to settle disputes or sanction violations of another agency or organization, provided that such supply of information and documents does not affect the effectiveness of the concerned case handling and is not confidential as prescribed by law.

*(Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có thể cung cấp thông tin liên quan đến nơi sản xuất, kênh tiêu thụ, nguồn cung cấp hàng giả mạo, hàng xâm phạm và các tình tiết của vụ việc theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp hoặc của người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp hoặc xử phạt vi phạm thuộc các cơ quan, tổ chức khác với điều kiện việc cung cấp thông tin, tài liệu đó không làm ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý vụ việc liên quan và không thuộc trường hợp bảo mật theo quy định của pháp luật.)*

6. The agency competent to handle the case may request the party requested to be handled for his/her/its violation and parties with related rights and benefits in the case to provide information, documents and evidence to prove their requests and arguments or to disprove requests and arguments of other parties; request the party currently keeping or controlling evidence and documents related to the case of violation to furnish such evidence and documents as a basis for handling the case.

*(Cơ quan có thẩm quyền xử lý vụ việc có quyền yêu cầu bên bị yêu cầu xử lý vi phạm và các bên có quyền và lợi ích liên quan trong vụ vi phạm cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu, lập luận của mình hoặc phản biện yêu cầu, lập luận của bên khác; yêu cầu bên đang lưu giữ hoặc kiểm soát chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ vi phạm phải xuất trình chứng cứ, tài liệu đó để làm căn cứ giải quyết vụ việc.)*

7. The industrial property rights holder or his/ her/its authorized representative may request the agency competent to handle the violation to permit his/her/its participation and assistance in the inspection, examination, verification, collection of evidence, identification of genuine goods, counterfeit or infringing goods and infringing elements on goods, articles, raw materials, materials and means of business, and determination of measure(s) to handle the infringing goods or service. The agency competent to handle the violation shall decide to permit the participation as requested as prescribed in this Clause, unless it is necessary to protect a trade secret at the justifiable request of the handled party.

*(Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp hoặc người đại diện được ủy quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm cho phép tham gia và hỗ trợ hoạt động thanh tra, kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, xác định hàng thật, hàng hóa giả mạo, hàng hóa xâm phạm, xác định yếu tố vi phạm trên hàng hóa, vật phẩm, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện kinh doanh và biện pháp xử lý hàng hóa, dịch vụ vi phạm. Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm quyết định việc cho phép tham gia theo đề nghị quy định tại Khoản này, trừ trường hợp cần thiết bảo vệ bí mật thương mại theo yêu cầu hợp lý của bên bị xử lý.)*

## **Article 27. Handling of violations involving disputes**

### **(Xử lý vụ việc vi phạm khi có tranh chấp)**

1. In case a complaint, denunciation or dispute arises concerning the registration right, ownership right, right to request handling of violation, conditions or scope of protection of



concerned industrial property rights after a written request for handling of a violation is accepted, the agency competent to accept the case for handling shall take the following handling measures:

*(Trường hợp có phát sinh khiếu nại, tố cáo hoặc tranh chấp về quyền đăng ký, quyền sở hữu, quyền yêu cầu xử lý vi phạm, điều kiện bảo hộ, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp liên quan sau khi đơn yêu cầu xử lý vi phạm được thụ lý thì cơ quan có thẩm quyền thụ lý vụ việc thực hiện các biện pháp xử lý sau đây:)*

a) Requesting involved parties to carry out procedures for requesting settlement of the complaint, denunciation or dispute by a competent agency under the law on intellectual property;

*(Yêu cầu các bên liên quan thực hiện thủ tục yêu cầu giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;)*

b) Requesting the industrial property rights holder to give explanations or make commitment or to request the state management agency in charge of industrial property to clarify the legal status of industrial property rights subject to the complaint, denunciation or dispute.

*(Yêu cầu chủ thể quyền sở hữu công nghiệp giải trình, cam kết hoặc yêu cầu cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp làm rõ về tình trạng pháp lý của quyền sở hữu công nghiệp đang có khiếu nại, tố cáo, tranh chấp.)*

Within 30 working days after receiving a written explanation or commitment of the industrial property rights holder or a written reply of the state management agency in charge of industrial property, the agency competent to accept the case for handling shall reply the requester of whether it will carry out handling procedures or refuse to handle the violation.

*(Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, cam kết của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp hoặc văn bản trả lời của cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp, cơ quan có thẩm quyền thụ lý vụ việc có trách nhiệm trả lời người yêu cầu xử lý vi phạm về việc tiến hành thủ tục xử lý hoặc từ chối xử lý vi phạm.)*

2. In case a written request for handling of a violation has been accepted but parties involved in the case reach an agreement and propose a handling measure in compliance with the law on intellectual property which does not affect the rights and interests of a third party, consumers and the society, the agency competent to handle the violation shall recognize such handling measure and terminate the handling of the case.

*(Trường hợp đơn yêu cầu xử lý vi phạm đã được thụ lý, nhưng các bên trong vụ việc thỏa thuận được với nhau và đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên thứ ba, người tiêu dùng và xã hội thì cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm ghi nhận biện pháp giải quyết đó và dừng xử lý vụ việc.)*

## **Article 28. Refusal to handle or termination of handling of violations**

### **(Từ chối, dừng xử lý vi phạm)**

1. A violation-handling agency shall refuse to handle a violation in the following cases:

*(Cơ quan xử lý vi phạm từ chối xử lý vi phạm trong các trường hợp sau đây:)*

a) The written request for handling of the violation is filed when related industrial property rights are disputed;



*(Đơn yêu cầu xử lý vi phạm được nộp khi đang có tranh chấp quyền sở hữu công nghiệp liên quan;)*

b) The requester fails to meet requirements of the violation-handling agency on explanation about or addition of evidence proving the status of the industrial property rights holder and the violation under Point b, Clause 2, Article 25 of this Decree;

*(Người yêu cầu xử lý vi phạm không đáp ứng yêu cầu của cơ quan xử lý vi phạm về giải trình, bổ sung chứng cứ chứng minh tư cách chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và chứng minh vi phạm theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 25 của Nghị định này;)*

c) The statute of limitations for sanctioning the administrative violation has expired under Clause 1, Article 6 of the Law on Handling of Administrative Violations;

*(Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính;)*

d) Results of verification by the violation-handling agency or a police office disprove the violation as described in the written request for violation handling;

*(Kết quả xác minh của cơ quan xử lý vi phạm hoặc cơ quan công an cho thấy không có vi phạm như mô tả trong đơn yêu cầu xử lý vi phạm;)*

dd) There's a conclusion, decision or notice of a competent agency on the lack of grounds for carrying out procedures for handling the violation;

*(Có kết luận, quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền về việc không đủ căn cứ để tiến hành thủ tục xử lý vi phạm;)*

e) The act is neither regarded as a violation under the law on intellectual property nor subject to any administrative sanction specified in this Decree.

*(Hành vi không bị coi là vi phạm theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc không bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này.)*

2. A person accepting a written request for handling of a violation shall cease procedures for handling the violation in the following cases:

*(Người thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm phải dừng thủ tục xử lý vi phạm trong các trường hợp sau đây:)*

a) Arising a complaint, denunciation or dispute after the request is accepted and pending results of handling by a competent agency defined in Clause 1, Article 27 of this Decree;

*(Có phát sinh khiếu nại, tố cáo, tranh chấp sau khi đã thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm và phải chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Nghị định này;)*

b) Lack of grounds to identify act infringing industrial property rights after having accepted the written request for handling of the violation;

*(Chưa có đủ căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp sau khi đã thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm;)*

c) The requester requests in writing withdrawal of the written request for violation handling;

*(Người nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm có văn bản rút yêu cầu xử lý vi phạm;)*





d) The involved parties can reach agreement on the handling of the case under Clause 2, Article 27 of this Decree.

*(Các bên tự thỏa thuận để giải quyết vụ việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 của Nghị định này.)*

3. In case a violation is related to the production of or trading in a goods or its package, stamp, label or other articles bearing a counterfeit mark or geographical indication, a person with sanctioning competence shall still carry out procedures for administratively sanctioning this violation even after receiving a notice of withdrawal of the written request for violation handling under Point c, Clause 2 of this Article.

*(Trường hợp hành vi vi phạm liên quan đến sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý, bao bì, tem, nhãn, vật phẩm khác mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý giả mạo thì người có thẩm quyền xử phạt vẫn tiến hành thủ tục xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm đó, mặc dù nhận được thông báo rút yêu cầu xử lý vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này.)*

## **Article 29. Coordination in the handling of violations**

### **(Phối hợp xử lý vi phạm)**

1. Requirements for coordination in the handling of violations:

*(Yêu cầu phối hợp xử lý vi phạm:)*

a) For a violation involving complicated circumstances or different organizations and individuals, the agency competent to accept a written request for violation handling may request a competent agency and the state management agency in charge of industrial property in the concerned locality to coordinate in handling the violation. A request for coordination in the handling of a violation must contain brief information on the case, propose issues which require coordinated handling and indicate a time limit of 15 days for the request-receiving agency to reply;

*(Trường hợp vụ việc vi phạm có tình tiết phức tạp hoặc có liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền thụ lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền và cơ quan nhà nước về sở hữu công nghiệp ở địa phương liên quan phối hợp xử lý vi phạm. Yêu cầu phối hợp xử lý vi phạm phải có thông tin tóm tắt về vụ việc và kiến nghị những nội dung cần phối hợp xử lý và ấn định thời hạn chậm nhất là 15 ngày để cơ quan nhận yêu cầu trả lời;)*

b) The agency receiving the request for coordination shall reply within the indicated time limit, unless it refuses to coordinate. In case of refusal to coordinate, it shall clearly state the reason.

*(Cơ quan nhận yêu cầu phối hợp xử lý vi phạm có trách nhiệm trả lời trong thời hạn ấn định, trường hợp từ chối phối hợp xử lý thì phải nêu rõ lý do.)*

2. Use of results of examination and handling of written requests for violation handling from other agencies:

*(Sử dụng kết quả xem xét, xử lý đơn yêu cầu xử lý vi phạm của cơ quan khác:)*

a) A violation-handling agency may use results of identification of violations or determination of the value of infringing goods conducted by another competent agency (if any) to ensure uniformity of handling measures and sanctioning levels applicable to the same

or similar violations or related to the same industrial property object of the same industrial property rights holder;

*(Cơ quan xử lý vi phạm có quyền sử dụng kết quả xác định hành vi vi phạm, xác định giá trị hàng hóa vi phạm do cơ quan có thẩm quyền khác thực hiện, nếu có để bảo đảm thống nhất về biện pháp xử lý và mức phạt đối với các hành vi vi phạm giống nhau, tương tự nhau hoặc cùng liên quan đến một đối tượng sở hữu công nghiệp của cùng chủ thể quyền sở hữu công nghiệp;)*

b) When competent agencies have different opinions, conclusions and decisions on the identification of the violation, measures and extent of handling of the violation, the person competent to handle the violation may set up an advisory council composed of experts prestigious in relevant professional domains to assist the competent person in making conclusions on the violation.

*(Trường hợp có ý kiến, kết luận, quyết định khác nhau giữa các cơ quan có thẩm quyền về xác định hành vi vi phạm, biện pháp, mức độ xử lý vi phạm thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm có thể lập hội đồng tư vấn gồm các chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực chuyên môn liên quan để giúp người có thẩm quyền kết luận về hành vi vi phạm.)*

### **Article 30. Sanctioning procedures**

#### **(Thủ tục xử phạt)**

1. When detecting a violation in domain of industrial property, persons with sanctioning competence defined in Articles from 16 thru 21 of this Decree and civil servants and public employees on their duty shall make a minutes of administrative violation.

*(Khi phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều từ 16 đến 21 của Nghị định này và công chức, viên chức đang thi hành công vụ có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.)*

2. Order of and procedures for sanctioning the administrative violation shall comply with provisions in section 1 Chapter III of the Law on Handling of Administrative Violations.

*(Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III của Luật xử lý vi phạm hành chính.)*

### **Article 31. Execution of sanctioning decisions and enforcement of executing sanctioning decisions**

#### **(Thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt)**

1. Execution of sanctioning decisions and enforcement of executing sanctioning decisions comply with Law on Handling of Administrative Violations.

*(Việc thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính được thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.)*

2. For decisions on sanctioning administrative violations which apply remedial measure of forcible change or removal of infringing elements from enterprise name, infringing organizations and individuals shall conduct procedures for changing enterprise name, removing infringing elements from enterprise name at business registration agencies within 60 days after the effective day of decisions on sanctioning administrative violations.

*(Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc thay đổi, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm tiến hành thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên*



*doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành.)*

After the time limit mentioned above, if infringing organizations and individuals fail to carry out procedures for changing enterprise name, removing infringing elements from enterprise name, agencies issuing decisions on sanctioning administrative violations shall request the business register agencies to withdraw certificate of business register. The business register agencies shall withdraw certificates of business register as prescribed by law.

*(Sau thời hạn nêu trên, nếu tổ chức, cá nhân vi phạm không tiến hành thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp thì cơ quan ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.)*

3. For decisions on sanctioning administrative violations which apply remedial measure of forcible change of information about domain names or return of domain names, organizations and individuals shall conduct procedures for changing information of domain names or returning domain names at agencies managing domain names, within 30 days after the effective day of decisions on sanctioning administrative violations.

*(Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp buộc thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiến hành thủ tục thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền tại cơ quan quản lý tên miền trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định xử phạt hành chính có hiệu lực thi hành.)*

After the time limit mentioned above, if infringing organizations and individuals fail to carry out procedures for changing information about domain names, or returning domain names, agencies issuing decisions on sanctioning administrative violations shall request the agencies managing domain names to revoke such domain names. The agencies managing domain names shall revoke domain names as prescribed by law.

*(Sau thời hạn nêu trên nếu tổ chức, cá nhân vi phạm không tiến hành thủ tục thay đổi thông tin tên miền hoặc trả lại tên miền thì cơ quan ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính yêu cầu cơ quan quản lý tên miền thu hồi tên miền. Cơ quan quản lý tên miền có trách nhiệm thu hồi tên miền theo quy định của pháp luật.)*

4. Credit institutions and State Treasuries shall collect fines, remit or refund collected fine amounts based on handling decisions of persons with sanctioning competence as prescribed by law.

*(Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện việc thu tiền phạt, trích chuyển nộp tiền phạt, hoàn trả tiền nộp phạt căn cứ theo quyết định xử lý vụ việc của người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của pháp luật.)*

## **Article 32. Modification, cancellation or invalidation of administrative sanctioning decisions**

***(Sửa đổi, hủy bỏ, đình chỉ hiệu lực quyết định xử phạt hành chính)***

1. In case a decision on the settlement of a dispute on industrial property is issued by a competent agency within 90 days from the date of issuance of an administrative sanctioning decision, leading to a change in grounds and contents of the administrative sanctioning decision, a person with sanctioning competence shall issue a decision to modify, invalidate or



cancel partially or wholly the validity of the issued administrative sanctioning decision to make it consistent with the dispute settlement decision.

*(Trường hợp quyết định giải quyết tranh chấp về sở hữu công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền được ban hành trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt hành chính dẫn đến việc thay đổi căn cứ, nội dung của quyết định xử phạt hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực của quyết định xử phạt hành chính đã ban hành cho phù hợp với quyết định giải quyết tranh chấp.)*

2. In case an administrative sanctioning decision has been complied with by the sanctioned organization or individual, a person with sanctioning competence shall take any of the following measures:

*(Trường hợp quyết định xử phạt hành chính đã được tổ chức, cá nhân bị xử phạt thi hành thì người có thẩm quyền xử phạt thực hiện một trong các biện pháp sau đây:)*

a) Requesting the State Treasury that has collected the fine to refund partially or wholly the fine amount remitted under the decision on modification, cancellation or invalidation of the sanctioning decision at the request of the organization or individual that has paid the fine. The request for fine refund may be accepted within 90 days after the date of issuance of the decision on modification, cancellation or invalidation;

*(Đề nghị Kho bạc Nhà nước nơi đã thu tiền phạt hoàn trả một phần hoặc toàn bộ tiền phạt đã nộp theo quyết định sửa đổi, hủy bỏ, đình chỉ quyết định xử phạt theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đã nộp tiền phạt. Yêu cầu hoàn trả tiền phạt chỉ được chấp nhận trong thời hạn không quá 90 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định sửa đổi, hủy bỏ, đình chỉ;)*

b) Returning the goods, article or means of business which has been seized or confiscated but not yet handled. In case such goods, article or means of business has been handled, the organization or individual that has requested the violation handling shall pay a compensation to the handled organization or individual according to the commitment realized upon requesting the violation handling, if any;

*(Trả lại hàng hóa, vật phẩm, phương tiện kinh doanh tạm giữ, tịch thu nhưng chưa bị xử lý. Trường hợp hàng hóa, vật phẩm, phương tiện kinh doanh bị tạm giữ, tịch thu đã bị xử lý thì tổ chức, cá nhân yêu cầu xử lý vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho tổ chức, cá nhân bị xử lý theo cam kết đã thực hiện khi yêu cầu xử lý vi phạm, nếu có;)*

c) Other handling measures as reasonably proposed by involved parties.

*(Biện pháp xử lý khác theo đề xuất hợp lý của các bên liên quan.)*

3. In case the issuance of an administrative sanctioning decision is detected involving a violation of issuing competence, procedures or grounds, such decision shall be handled under Article 15 of the Law on Handling of Administrative Violations and the provisions of the law on settlement of complaints and denunciations.

*(Trường hợp quyết định xử phạt hành chính bị phát hiện có vi phạm về thẩm quyền, thủ tục, căn cứ ban hành thì được xử lý theo quy định tại Điều 15 Luật xử lý vi phạm hành chính và quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.)*

## **Chapter 5.** **IMPLEMENTATION PROVISIONS** **(ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH)**

**Article 33. Effect**  
**(Hiệu lực thi hành)**

1. This Decree takes effect on October 15, 2013.  
*(Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.)*
2. The Government's Decree No. 97/2010/ND-CP dated September 21, 2010 on sanctioning of administrative violations in industrial property cease to be effective on the effective date of this Decree.  
*(Nghị định số 97/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.)*

**Article 34. Transitional provisions**  
**(Điều khoản chuyển tiếp)**

For acts of administrative violations in domain of industrial property happened before July 01, 2013, then detected or currently being considered and handled, provisions beneficial for infringing organizations and individuals will be applied.  
*(Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp xảy ra trước ngày 01 tháng 7 năm 2013 mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.)*

**Article 35. Implementation organization**  
**(Tổ chức thực hiện)**

1. The Ministry of science and technology shall guide implementation of this Decree.  
*(Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.)*
2. The Ministry of Planning and Investment, and Ministry of science and technology shall guide the processes of and procedures for changing enterprise name, removing infringing elements from enterprise name, and revoking certificates of business register in case where enterprise names infringe law on intellectual property.  
*(Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn trình tự, thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp, loại bỏ yếu tố vi phạm trong tên doanh nghiệp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp tên doanh nghiệp vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.)*
3. The Ministry of Information and Communications, and Ministry of science and technology shall guide processes of and procedures for changing, revoking domain names infringing law on intellectual property.  
*(Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn trình tự, thủ tục thay đổi, thu hồi tên miền vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ.)*
4. The ministers, the heads of the ministerial-level agencies, the heads of the agencies attached to the Government, the presidents of the People's Committees of the provinces and centrally-run cities shall, in their functions and tasks, organize implementation of this Decree.  
*(Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.)*



**ON BEHALF OF THE GOVERNMENT  
PRIME MINISTER**

*(TM.  
THỦ*

*CHÍNH*

*PHỦ  
TƯỚNG)*

**Nguyen Tan Dung**

